

Bản án số: 06/2018/HS-PT
Ngày 25/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng.

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Huy Toàn;

Ông Trần Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 151/2017/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo Bùi Xuân K, Trần Văn G, Bùi Văn L và Bùi Văn D. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2017/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B.

Họ và tên các bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Xuân K, sinh năm 1966 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi V, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1935; có vợ là Mai Thị T1, sinh năm 1970; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2017 đến ngày 04/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng bảo lãnh; có mặt.

2. Trần Văn G, sinh năm 1976 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Xóm X, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nơi tạm trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1944 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1945; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2017 đến ngày 04/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Bùi Văn L, sinh năm 1982 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Rửa xe; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H1 (đã chết) và bà Phan Thị Đ1, sinh năm 1952; có vợ là Hồ Thị L1, sinh năm 1983; có 01 người con (sinh năm 2008); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2017 đến nay; có mặt.

4. Bùi Văn D, sinh năm 1974 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn P (đã chết) và bà Cù Thị L2, sinh năm 1950; có vợ là Cù Thị Hồng V1, sinh năm 1988; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2017 đến ngày 19/12/2017 chết tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương.

Họ và tên các bị cáo không có kháng cáo được Tòa án triệu tập:

1. Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1970 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 (đã chết) và bà Dương Thị Ǻ (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1977; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam An Phước - Tổng cục VIII - Bộ Công an; có mặt.

2. Nguyễn Văn L3, sinh năm 1971 tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: Ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1951 và bà Lê Thị L4, sinh năm 1953; có vợ là Nguyễn Thị L5, sinh năm 1973; có 02 người con (sinh năm 1993 và năm 2009); tiền án: Không, tiền sự: Không; hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Xuyên Mộc - Tổng cục VIII - Bộ Công an; có mặt.

3. Đậu Văn L, sinh năm 1972 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đậu Q (đã chết) và bà Phạm Thị P1, sinh năm 1939; có vợ là Nguyễn Thị Kim T5, sinh năm 1985; có 01 người con (sinh năm 2001); tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam An Phước - Tổng cục VIII - Bộ Công an; có mặt.

4. Võ Văn C, sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: Ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn B (đã chết) và bà Trần Thị D1 (đã chết); có vợ là Đinh Thị Minh C1, sinh năm 1974; bị cáo có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005); tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam An Phước - Tổng cục VIII - Bộ Công an; có mặt.

Ngoài ra, còn có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/3/2017, tại nhà của Võ Văn C thuộc tổ Y, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, Công an xã A bắt quả tang Nguyễn Văn L3, Bùi Văn L, Nguyễn Tấn T2, Trần Văn G, Đậu Văn L, Bùi Xuân K, Bùi Văn D đang đánh bạc với hình thức cào tổ thắng thua bằng tiền nên tiến hành thu giữ vật chứng gồm:

02 bộ bài tây loại 52 lá, 01 thùng sơn nhựa, số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng; tiền xâu 1.150.000 (một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng; thu giữ của Bùi Văn D 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh và số tiền 660.000 (sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng; thu giữ của Võ Văn C 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen; thu giữ của Bùi Văn L 01 điện thoại di động hiệu Sony, màu đen và số tiền 78.351.000 (bảy mươi tám triệu ba trăm năm mươi một nghìn) đồng; thu giữ của Đậu Văn L 01 xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 61G1-315.25, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4, màu đen, sim số 0919088113 và số tiền 5.065.000 (năm triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng; thu giữ của Bùi Xuân K 01 xe mô tô hiệu Honda, màu đỏ - đen, biển số 61L7-0395, 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đen, sim số 01695904407 và số tiền 10.931.000 (mười triệu chín trăm ba mươi một nghìn) đồng; thu giữ của Trần Văn G 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu vàng, sim số 0906282612 và số tiền 6.107.000 (sáu triệu một trăm lẻ bảy nghìn) đồng; thu giữ của Nguyễn Văn L3 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, sim số 0915851382 và số tiền 15.047.000 (mười lăm triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng; thu giữ của Nguyễn Tấn T2 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ, sim số 01217282131 và số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Quá trình điều tra, Võ Văn C, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn L, Nguyễn Tấn T2, Trần Văn G, Đậu Văn L, Bùi Xuân K và Bùi Văn D khai nhận:

Khoảng 19 giờ ngày 16/3/2017, Nguyễn Tấn T2 sử dụng điện thoại di động gọi Đậu Văn L, Nguyễn Văn L3, Trần Văn G và Bùi Xuân K đến nhà Võ Văn C thuộc tổ Y, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương để tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, tất cả đồng ý. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, Bùi Văn D đến gặp Đậu Văn L để cùng uống cà phê nhưng đến nơi thì thấy L đang đi ra và L nói đi chơi thì D nghĩ L sẽ đến nhà C đánh bạc nên D đi đến nhà C. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T2, K, L3, D đến nhà C, khoảng 05 phút sau, Đậu Văn L đến. C dẫn L3, G, K, D, Đậu Văn L xuống phòng bếp để cả nhóm đánh

bạc với hình thức cào tổ thắng thua bằng tiền và cung cấp 02 bộ bài tây, 01 thùng sơn cho những người đánh bạc rồi thu tiền xâu. Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, Trần Văn G đến cùng tham gia đánh bạc, khoảng 15 phút sau, Bùi Văn L đến tham gia đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã A bắt giữ.

Cách thức đánh bạc cào tổ và quy định thắng thua như sau: Bộ bài tây 52 lá chia đều cho 07 người, mỗi người có 03 lá bài. Trước khi mở bài, mỗi người phải đặt 100.000 (một trăm nghìn) đồng vào giữa sòng bài, riêng người chia bài phải đặt 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Sau khi mở bài xem, người nào có bài lớn thì được tổ, số tiền tổ mỗi lần quy định từ 200.000 (hai trăm nghìn) đồng đến 2.000.000 (hai trăm nghìn) đồng, người nào bài nhỏ không tổ thì bỏ bài coi như thua. Người nào muốn tổ thêm thì phải đặt thêm tiền bằng với số tiền mà người trước tổ rồi mới được tổ thêm. Khi có người trình bài thì tất cả sẽ trình bài không tổ thêm nữa và người nào có số điểm cao nhất sẽ thắng toàn bộ số tiền cược của những người còn lại. Cách tính điểm như sau: Các lá bài A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 mỗi lá có số điểm tương ứng từ 1 đến 10; các lá bài J, Q, K mỗi lá tính mười điểm; cộng 03 lá bài lại với nhau, lớn nhất là ba con giống nhau, đến sánh có ba lá liên tiếp nhau, đến ba tây (J, Q, K), tiếp đến là từ 09 điểm đến 01 điểm, còn 10 điểm là bù. Số tiền đặt cược tối thiểu của 07 người tham gia đánh bạc trong một ván bài là 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, số tiền cược tối đa thì không cố định mà phụ thuộc vào tiền tổ thêm của từng người.

Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc và thắng thua như sau:

Nguyễn Tấn T2 mang theo 10.000.000 (mười triệu) đồng để đánh bạc, khi bị bắt T2 thua 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, bị thu giữ 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng;

Nguyễn Văn L3 mang theo 16.647.000 (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng để đánh bạc, khi bị bắt không thắng không thua, bị thu giữ 15.047.000 (mười lăm triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng;

Bùi Xuân K mang theo 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng để đánh bạc, khi bị bắt thắng 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng, bị thu giữ 10.931.000 (mười triệu chín trăm ba mươi một nghìn) đồng;

Đậu Văn L mang theo 6.565.000 (sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng để đánh bạc, khi bị bắt thắng 3.000.000 (ba triệu) đồng, bị thu giữ 5.065.000 (năm triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng;

Trần Văn G mang theo 6.300.000 (sáu triệu ba trăm nghìn) đồng để đánh bạc, khi bị bắt thua 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng;

Bùi Văn L mang theo 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, trong đó 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng là tiền của ông Hồ Ін Q nhờ L trả tiền vật liệu xây dựng cho ông Bùi Văn T6, còn 5.000.000 (năm triệu) đồng L sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt thua 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, bị thu giữ 78.351.000 (bảy mươi tám triệu ba trăm năm mươi một nghìn) đồng;

Bùi Văn D mang theo 4.660.000 (bốn triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng để đánh bạc, khi bị bắt thua 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị thu giữ 660.000 (sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng;

Võ Văn C không tham gia đánh bạc mà thu tiền xâu, khi bị bắt bị thu giữ số tiền 1.150.000 (một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tổng số tiền Võ Văn C, Nguyễn Văn L3, Bùi Văn L, Nguyễn Tấn T2, Trần Văn G, Đậu Văn L, Bùi Xuân K, Bùi Văn D sử dụng để đánh bạc là 64.811.000 (sáu mươi bốn triệu tám trăm mười một nghìn) đồng.

Ngoài ra, các bị cáo còn khai nhận đã tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền tại nhà Võ Văn C vào ngày 14/3/2017 và ngày 15/3/2017, cụ thể: Khoảng từ 20 giờ ngày 14/3/2017 đến 02 giờ ngày 15/3/2017, những người tham gia và số tiền dùng để đánh bạc gồm: Trần Văn G mang theo 1.000.000 (một triệu) đồng, không thắng không thua; Bùi Văn D mang theo 4.000.000 (bốn triệu) đồng, thua hết số tiền này; Bùi Văn L mang theo 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng, không thắng không thua; Đậu Văn L mang theo 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng, thua hết số tiền này; Bùi Xuân K mang theo 3.000.000 (ba triệu) đồng, thua hết số tiền này; Nguyễn Văn L3 mang theo 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng, thua 100.000 (một trăm nghìn) đồng; Nguyễn Tấn T mang theo 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng, thua 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng; Võ Văn C thu tiền xâu 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 15.450.000 (mười lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Khoảng từ 20 giờ ngày 15/3/2017 đến 02 giờ ngày 16/3/2017, những người tham gia và số tiền dùng để đánh bạc gồm: Trần Văn G mang theo 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng, thua 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng; Bùi Văn D mang theo 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, thua hết số tiền này; Bùi Văn L mang theo 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, thua hết số tiền này; Đậu Văn L mang theo 1.000.000 (một triệu) đồng, thua hết số tiền này; Bùi Xuân K mang theo 6.000.000 (sáu triệu) đồng, thua hết số tiền này; Nguyễn Tấn T2 mang theo 4.000.000 (bốn triệu) đồng, thua 3.000.000 (ba triệu) đồng, Võ Văn C thu tiền xâu 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng. Tổng số

tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 22.400.000 (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2017/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định:

Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Xuân K, Trần Văn G, Bùi Văn L, Bùi Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

Bùi Xuân K 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2017.

Trần Văn G 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2017.

Bùi Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2017.

Bùi Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2017.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung các bị cáo Bùi Xuân K, Trần Văn G, Bùi Văn L, Bùi Văn D mỗi bị cáo số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Võ Văn C 01 (một) năm tù và phạt bổ sung 8.000.000 (tám triệu) đồng về tội “Gá bạc”; bị cáo Nguyễn Tấn T2 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù và phạt bổ sung 8.000.000 (tám triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Văn L3 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù và phạt bổ sung 8.000.000 (tám triệu) đồng; bị cáo Đậu Văn L 02 (hai) năm tù và phạt bổ sung 5.000.000 (năm triệu) đồng cùng về tội “Đánh bạc”; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2017, bị cáo Bùi Văn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có công với cách mạng, một mình nuôi con.

Ngày 05/9/2017, bị cáo Trần Văn G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Ngày 11/9/2017, bị cáo Bùi Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo có cha ruột là người có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi 03 con nhỏ và mẹ già bị tai nạn lao động.

Ngày 11/9/2017, bị cáo Bùi Xuân K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo đang nuôi cha mẹ già, bị cáo được tặng bằng khen vì có thành tích lao động giỏi.

Ngày 19/12/2017, bị cáo Bùi Văn D đã chết tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương (theo Thông báo số 570/TB-PC81B ngày 19/12/2017 của Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo K, G, Bùi Văn L bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 19/12/2017 bị cáo Bùi Văn D đã chết, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Bùi Văn D. Đối với các bị cáo K, G, Bùi Văn L: Các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc lớn, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Đồng thời, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo K, G, Bùi Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo K, G, Bùi Văn L. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, các bị cáo còn khai nhận đã thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 14 và 15/3/2017, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Văn L3, Bùi Xuân K, Đậu Văn L, Trần Văn G, Bùi Văn L nộp lại số tiền sử dụng đánh bạc và buộc bị cáo Võ Văn C nộp lại số tiền xâu vào ngày 14 và 15/3/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo K, G, Bùi Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Bị cáo K nói lời sau cùng: Bị cáo phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo G nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo vì bị cáo có cha mẹ già, thời gian bị tạm giam bị cáo bị mất việc làm.

Bị cáo Bùi Văn L nói lời sau cùng: Thời gian bị tạm giam bị cáo đã rất ăn năn vì hành vi phạm tội của bị cáo, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/9/2017, bị cáo Bùi Văn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, ngày 19/12/2017, bị cáo Bùi Văn D đã chết tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương (theo Thông báo số 570/TB-PC81B ngày 19/12/2017 của Trại Tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương). Do đó, căn cứ quy định tại Điều 251 và khoản 7 Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình

sự, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Bùi Văn D.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của các bị cáo Bùi Xuân K, Trần Văn G, Bùi Văn L thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/3/2017, tại nhà của Võ Văn C thuộc tổ Y, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Bùi Văn L, Trần Văn G, Bùi Xuân K đã cùng với Nguyễn Văn L3, Nguyễn Tấn T2 và Đậu Văn L, Bùi Văn D thực hiện hành vi đánh bạc với hình thức cào tổ thắng thua bằng tiền với tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 64.811.000 (sáu mươi bốn triệu tám trăm mười một nghìn) đồng. Trong đó, bị cáo Bùi Xuân K sử dụng số tiền 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Trần Văn G sử dụng số tiền 6.300.000 (sáu triệu ba trăm nghìn) đồng, bị cáo Bùi Văn L sử dụng số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để đánh bạc.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét kháng cáo của các bị cáo K, G, Bùi Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình điều tra, ngoài lần phạm tội đánh bạc vào ngày 16/3/2017, các bị cáo Bùi Văn L, Trần Văn G, Bùi Xuân K còn tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội đánh bạc chưa bị phát hiện vào ngày 14 và 15/3/2017, thể hiện tại các biên bản hỏi cung bị can (bút lục 163, 189, 195, 198, 199, 201, 203, 208, 210, 214, 225, 227, 321, 325, 327, 333). Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cho các bị cáo là không đúng quy định của pháp luật. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Bùi Văn L có cha ruột là ông Bùi Văn H1 được tặng Huy chương Kháng chiến hạng nhì, bị cáo Trần Văn G có cha ruột là ông Trần Văn Đ được tặng Huy chương Kháng chiến hạng nhì, bị cáo Bùi Xuân K có cha ruột là ông Bùi Xuân I được tặng bằng khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ xây dựng Tổ quốc, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo K, G sử dụng số tiền đánh bạc lớn, bị cáo Kỳ sử dụng số tiền 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo G sử dụng số tiền 6.300.000 (sáu triệu ba trăm nghìn) đồng. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo K, G là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo K, G. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo K, G có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, có nhân thân tốt thể hiện ở việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định; thời gian tạm giam đã đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, việc giao các bị cáo về ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đảm bảo việc tự cải tạo đối với các bị cáo nên áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho các bị cáo Trần Văn G, Bùi Xuân K được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Bùi Văn L sử dụng số tiền để đánh bạc là 5.000.000 (năm triệu) đồng, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Đối với yêu cầu xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Văn L, mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nhưng bị cáo có nhân thân xấu thể hiện ở việc bị cáo từng bị xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 65/HS-ST ngày 23/12/2003 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) B. Do đó, bị cáo Bùi Văn L không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử không áp dụng án treo đối với bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo K, G và không cho bị cáo Bùi Văn L được hưởng án treo là có căn cứ, đối với đề nghị không giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Văn L và không cho các bị cáo K, G được hưởng án treo là chưa phù hợp.

[5]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Văn L3, Bùi Xuân K, Đậu Văn L, Trần Văn G, Bùi Văn L còn khai nhận đã thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 14/3/2017 với tổng số tiền đánh bạc là 11.450.000 (mười một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, bị cáo Võ Văn C thu tiền xâu 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng và ngày 15/3/2017 các bị cáo đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc là 19.900.000 (mười chín triệu chín trăm nghìn) đồng, bị cáo Võ Văn C thu tiền xâu 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không buộc các bị cáo nộp lại số tiền sử dụng để đánh bạc và không buộc bị cáo Võ Văn C nộp lại số tiền xâu vào ngày 14 và 15/3/2017 là không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại

phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T2, L3, K, G, C, Đậu Văn L và Bùi Văn L đồng ý nộp lại số tiền nêu trên nên cần buộc các bị cáo nộp lại số tiền nêu trên để tích thu sung quỹ Nhà nước.

[6]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Án phí hình sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên các bị cáo Bùi Văn L, K, G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 248 và điểm c, d, đ khoản 1 Điều 249, Điều 251; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2017/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Bùi Văn D.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn L, Bùi Xuân K và Trần Văn G. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2017/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B về hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn L, về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Bùi Xuân K, Trần Văn G và về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 248; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo: Bùi Văn L 01 (một) năm (06) sáu tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2017.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn L số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 248; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo: Bùi Xuân K 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 25/01/2018).

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Xuân K số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo: Trần Văn G 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 25/01/2018).

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn G số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Giao các bị cáo Bùi Xuân K, Trần Văn G cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường

hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và các điểm a, b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Buộc bị cáo Trần Văn G nộp lại số tiền 9.500.000 (chín triệu năm trăm nghìn) đồng; bị cáo Bùi Văn L nộp lại số tiền 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng; bị cáo Đậu Văn L nộp lại số tiền 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng; bị cáo Bùi Xuân K nộp lại số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng; bị cáo Nguyễn Văn L3 nộp lại số tiền 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng; bị cáo Nguyễn Tấn T2 nộp lại số tiền 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng; bị cáo Võ Văn C nộp lại số tiền 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 98; khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo Bùi Xuân K, Trần Văn G và Bùi Văn L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thị xã B;	2
- VKSND thị xã B;	1
- Chi cục THADS thị xã B;	1
- CQCSĐT - CA thị xã B;	1
- Bị cáo;	7
- UBND xã A;	2
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu hồ sơ vụ án.	1
- Trại Tạm giam – CA tỉnh BD;	1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Hoàng